

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 415/2021/HS-PT
Ngày: 07-6-2021**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến và ông Phan Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 368/2021/TLPT-HS ngày 04/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số 335/2021/QĐXXPT-HS ngày 17/5/2021 đối với bị cáo Trần Duy L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **TRẦN DUY L** (*Tên gọi khác: V*), sinh năm 1979; ĐKNKTT: Thôn Đồng Vọng, xã HT, huyện H, tỉnh Thái Bình; *trú tại:* Thôn Tế Quan, xã VĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Trần Duy V và bà Thái Thị D; có vợ là Trần Thị Ánh H và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2021 tại Trại tạm giam số 01 của Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: **PHẠM VĂN TH**, sinh năm 1963; ĐKNKTT và *trú tại:* Số 27/D5, khu tái định cư thuộc tổ 48, phường BT, thành phố BT, tỉnh Thái Bình; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; *trình độ học vấn:* 10/10; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; con ông

Phạm Đình T (*Đã chết*) và bà Hoàng Thị N; có vợ là Đỗ Thị H (*Đã ly hôn*) và 02 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1990; *tiền án tiền sự*: Chưa; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

Bị hại không có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lu, sinh năm 1965; *trú tại*: CM, xã VT, huyện B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do gia đình có xe ô tô khách chạy tuyến Tân Hồng, huyện Ba Vì - Bến xe Mỹ Đình nên bà Nguyễn Thị Lu quen anh Nguyễn Mạnh C là nhân viên tại Bến xe. Ngày 15/01/2016, bà Lu gặp anh C tại đám cưới bạn và có nói chuyện với anh C về nguyện vọng xin chuyển cho con trai là Lê HV từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động (K20) - Bộ Công an về công tác tại Công an thành phố Hà Nội. Sau khi nghe bà Lu kể chuyện, anh C giới thiệu có em kết nghĩa là Trần Duy L đang công tác tại Tổng cục V - Bộ Công an, có nhiều quan hệ có thể xin chuyển công tác cho con bà Lu; bà Lu đã nhờ anh C hỏi giúp. Anh C đồng ý và gọi điện cho Trần Duy L trước mặt bà Lu để nói về nội dung trên, L trả lời có thể xin được. Chiều cùng ngày, anh C gặp và hỏi về chi phí xin việc cho con trai bà Lu thì được L cho biết chi phí hết 350.000.000 đồng; sau đó anh C cho L số điện thoại của bà Lu. Đến tối cùng ngày, L gọi điện cho bà Lu tự xưng là người quen của anh C, đang công tác tại Tổng cục V - Bộ Công an, hỏi về việc chuyển công tác cho anh Lê HV từ K20 - Bộ Công an về Công an thành phố Hà Nội, L đang có một suất. Khi bà Lu hỏi về chi phí thì L nói hết 350.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc trước 50.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2016 tại bến xe Mỹ Đình, thông qua anh C, bà Lu đã hẹn gặp L và sau đó cả 03 cùng đi ăn tại Nhà hàng bia hơi Thu Hằng (*trên đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm*). Ăn xong, bà Lu đưa cho anh C 50.000.000 đồng, anh C đưa luôn cho L, bà Lu đưa tiếp cho L 01 bộ hồ sơ của anh Lê HV, L cầm và hứa nếu nhanh thì khoảng tháng 6/2016, anh HV sẽ có quyết định chuyển công tác.

Sau khi nhận 50.000.000 đồng và hồ sơ từ bà Lu, L Lu hệ với Phạm Văn TH (*là người quen, cùng quê với L*) hỏi muốn xin chuyển công tác cho người quen từ K20 - Bộ Công an về Công an thành phố Hà Nội (*do khi gặp gỡ, nói chuyện, TH thường nói có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo trong lực lượng Công an*), TH trả lời có thể giúp. Sau đó, L cũng không hỏi lại và cũng không đặt vấn

đề hay chuyển hồ sơ của anh Lê HV cho TH. Khi bà Lu gọi hỏi và giục L về việc xin chuyển công tác cho anh HV thì L hứa hẹn và nói với bà Lu: “*Sếp đã đồng ý...*” hoặc “*Đã có Quyết định chuyển công tác...*”. Do bà Lu liên tục gọi hỏi, thúc giục nhiều lần nên khoảng tháng 3/2016, L gọi hỏi TH về chi phí xin chuyển công tác cho Lê HV; TH cho biết chi phí là 240.000.000 đồng, nếu làm thì phải chuyển đủ một lần vì những người mà TH nhờ không nhận tiền lãi nhất. Sau khi hỏi TH, L gọi điện thông báo cho bà Lu nhưng đến cuối tháng 4/2016 bà Lu mới chỉ lo và giao cho L được 70.000.000 đồng tại quán nước tại chân cầu vượt Mai Dịch, quận Cầu Giấy. Sau khi nhận 70.000.000 đồng từ bà Lu, khoảng tháng 5/2016, L ứng ra 120.000.000 đồng và mang đến nhà đưa cho TH 240.000.000 đồng và hồ sơ xin chuyển công tác của anh HV theo yêu cầu của TH. Sau khi nhận hồ sơ và tiền, TH không liên hệ để xin chuyển tác cho anh HV mà cất giữ số tiền trên.

Cuối tháng 6/2016, do bà Lu giục nhiều lần, L hỏi TH về việc xin việc cho anh HV, TH nói đã có quyết định của Bộ Công an điều chuyển công tác nhưng phía đơn vị chưa đồng ý nên TH đang tiếp tục lo để đơn vị công tác của anh HV đồng ý cho anh chuyển công tác; sau đó L nói lại nội dung trên cho bà Lu, đồng thời yêu cầu bà Lu chuyển nốt số tiền 230.000.000 đồng nhưng bà Lu mới đưa 130.000.000 đồng cho L tại khu vực Đình Thôn, phường Mỹ Đình 01, quận Nam Từ Liêm.

Đến tháng 8/2016, bà Lu tiếp tục hỏi và giục L về việc xin chuyển công tác cho anh HV thì L trả lời rằng đã có quyết định chuyển công tác, nếu anh HV muốn sau khi chuyển công tác được đi học đại học thì xin luôn (*do HV mới học Cao đẳng*). Bà Lu đồng ý thì L yêu cầu chuyển thêm 60.000.000 đồng. Đến giữa tháng 8/2016, bà Lu giao nốt cho L 160.000.000 đồng tại khu vực Đình Thôn, phường Mỹ Đình 01, quận Nam Từ Liêm. Tổng cộng, bà Lu đã chuyển cho L để lo xin chuyển công tác và xin đi học cho anh Vân là 410.000.000 đồng (*Gồm 350.000.000 đồng tiền xin chuyển công tác và 60.000.000 đồng tiền xin đi học đại học*). Đến tháng 12/2017, do L không xin chuyển công tác được cho anh Vân như đã hứa nên anh C và bà Lu đã nhiều lần yêu cầu L trả lại tiền; L đã liên hệ yêu cầu TH trả lại tiền nhưng TH không trả.

Ngày 15/3/2019, bà Lu làm đơn trình báo đến cơ quan Công an. Tại cơ quan điều tra, Trần Duy L và Phạm Văn TH đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai cả hai đều khai không có chức năng và không có

khả năng xin chuyển cho anh Lê HV từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an về công tác tại Công an thành phố Hà Nội. Trần Duy L khai làm nghề tự do, không công tác trong ngành Công an, số tiền chiếm đoạt được của bà Lu, L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết; Phạm Văn TH khai sau khi nhận tiền và hồ sơ xin chuyển công tác cho anh HV từ L, TH không liên hệ với ai để xin chuyển công tác cho HV mà cất tiền ở nhà.

Tại Bản kết luận giám định số 3762/C9-P6 ngày 08/11/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *“Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file mẫu cần giám định; File ký hiệu A8 và A18 có thời lượng ngắn nên không đủ điều kiện tiến hành giám định; Không xác định được tiếng nói của Phạm Văn TH có trong file ký hiệu A32 mẫu cần giám định do mẫu giám định có thời lượng ngắn; Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “em” và được gọi là “em” trong các file ký hiệu từ A1 đến A24 và xưng “cháu” trong các file ký hiệu từ A25 đến A33 mẫu cần giám định (ký hiệu “L” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Trần Duy L trong mẫu so sánh là của cùng một người; Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “chú” trong các file ký hiệu từ A25 đến A33 (ký hiệu “TH” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Văn TH trong mẫu so sánh là của cùng một người; Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản”*.

Theo kết quả giám định và nội dung bản dịch ghi âm mẫu cần giám định do bà Lu cung cấp thì nội dung thể hiện: Bà Lu đã đưa cho L 410.000.000 đồng để xin chuyển công tác cho anh Lê HV nhưng sau 02 năm L không thực hiện và không trả lại tiền. Phạm Văn TH đã nhận tiền từ L để xin chuyển công tác cho con bà Lu nhưng TH không thực hiện, không trả lại tiền. Quá trình điều tra, Trần Duy L đã nộp 170.000.000 đồng; Phạm Văn TH đã nộp 240.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Công an quận Nam Từ Liêm đã trả lại 410.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lu.

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Duy L 10 năm tù; Phạm Văn TH 07 năm 06 tháng tù đều về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/3/2021, bị cáo Trần Duy L có đơn kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi vi phạm như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 332; 333; 334; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức, chấp nhận một phần kháng cáo về nội dung, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cụ thể: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Duy L từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Trần Duy L có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] *Về nội dung:* Trong khoảng thời gian từ ngày 20/01/2016 đến tháng 8/2016 trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, Trần Duy L và Phạm Văn TH mặc dù không có chức năng, không có khả năng xin chuyển cho anh Lê HV, là con trai bà Nguyễn Thị Lu từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an về công tác tại Công an thành phố Hà Nội; và Trần Duy L cũng không có khả năng xin đi học đại học cho anh HV nhưng L và TH vẫn đưa ra thông tin gian dối để bà Lu tin tưởng giao tiền, cụ thể: Trần Duy L đã nhận 350.000.000 đồng để xin chuyển công tác và 60.000.000 đồng để xin đi học đại học cho anh Lê HV; L chuyển cho Phạm Văn TH 240.000.000 đồng, giữ lại 170.000.000 đồng. Phạm Văn TH nhận 240.000.000 đồng để xin chuyển công tác cho anh HV nhưng không thực hiện mà chiếm đoạt. Hành vi trên của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về đồng phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”

theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên việc khởi tố, truy tố và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là cần thiết. Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn với vai trò chính là Trần Duy L; bị cáo đã nhiều lần gian dối là có thể xin chuyển công tác, xin đi học cho anh Lê HV chiếm đoạt và phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền 410.000.000 đồng; Trần Duy L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn TH là đồng phạm giúp sức tích cực và phải chịu trách nhiệm hình sự về việc chiếm đoạt 240.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả; về nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; ngoài ra, bị cáo Trần Duy L còn có bố vợ là thương binh, có công với cách mạng, có bác ruột là liệt sĩ; đây là các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò, thái độ và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên của các bị cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 10 năm tù đối với bị cáo Trần Duy L; 07 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Phạm Văn TH là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo Trần Duy L; đối với bị cáo Phạm Văn TH không có kháng cáo nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí phúc thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Duy L, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho cả bị cáo Trần Duy L và bị cáo Phạm Văn TH, cụ thể:

1.1) Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Duy L **07 (Bảy)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2021.

1.2) Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn TH **05 (Năm)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.3) Các bị cáo Trần Duy L và Phạm Văn TH không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- THADS quận Nam Từ Liêm;
- UBND xã HT, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VB, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường BT, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo (Các bị cáo);
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

Trần Nam Hà